

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

Khóa thi ngày 03/04/2025

(Kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-SGDĐT ngày 20/1/2025.)

Trường THPT THPT Phạm Văn Nghị

Hệ CÔNG LẬP

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
1	260001	LÊ THẢO AN	Nữ	19/05/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	7.50	8.25	7.65	23.40	
2	260002	TRẦN NGỌC AN	Nam	15/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.25	2.40	17.90	
3	260003	MAI THỊ THU AN	Nữ	07/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	6.40	20.90	
4	260006	ĐINH HÀ ANH	Nam	22/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.00	8.35	24.10	
5	260007	ĐINH MINH ANH	Nữ	01/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.25	6.25	21.75	
6	260008	ĐỖ QUANG ANH	Nam	16/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.50	5.25	20.00	
7	260009	LẠI TUẤN ANH	Nam	26/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.00	6.15	21.90	
8	260010	MAI THẾ ANH	Nam	26/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.75	6.00	18.50	
9	260011	MAI VĂN ANH	Nam	10/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	6.10	20.85	
10	260012	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	31/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	7.35	23.85	
11	260013	NGUYỄN MAI ANH	Nữ	15/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	5.75	5.65	17.90	
12	260014	NGUYỄN MAI ANH	Nữ	09/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.00	4.75	17.75	
13	260015	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	23/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	7.60	23.10	
14	260016	NINH NHẬT ANH	Nam	30/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.50	5.50	19.75	
15	260017	TRẦN MAI ANH	Nữ	29/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.00	5.50	20.25	
16	260018	TRẦN THẾ ANH	Nam	16/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	7.10	22.35	
17	260019	TRỊNH HẢI ANH	Nam	31/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	6.25	6.00	19.50	
18	260020	TRỊNH NHẬT ANH	Nam	14/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	4.75	7.45	18.45	
19	260021	ĐINH VĂN HẢI ANH	Nam	07/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.00	8.00	23.75	
20	260022	ĐỖ HOÀNG HẢI ANH	Nam	12/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.00	6.75	22.50	

Signature

Signature



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm ƯTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
21	260023	LÊ VĂN HOÀNG ANH	Nam	23/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.50	4.80	21.05	
22	260024	TRỊNH THỊ HOÀNG ANH	Nữ	08/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	6.05	21.30	
23	260025	MAI THỊ HỒNG ANH	Nữ	31/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	9.00	7.10	21.85	
24	260027	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	24/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.00	7.05	22.55	
25	260028	PHẠM THỊ NGỌC ANH	Nữ	19/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	4.25	19.25	
26	260030	PHẠM THỊ NGỌC ANH	Nữ	08/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	6.65	21.90	
27	260029	PHẠM THỊ NGỌC ANH	Nữ	16/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	5.10	21.60	
28	260032	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	18/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.00	8.45	24.70	
29	260033	NGÔ BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	25/05/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	6.00	6.50	4.25	16.75	
30	260034	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	13/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	6.00	21.00	
31	260035	ĐẶNG THỊ QUỲNH ANH	Nữ	15/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	5.75	21.00	
32	260037	HÀ PHẠM VIỆT ANH	Nam	14/08/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.50	6.25	7.00	3.25	17.00	
33	260038	NGUYỄN VŨ VIỆT ANH	Nam	22/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.00	2.50	18.75	
34	260039	TÔNG VĂN VIỆT ANH	Nam	26/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.75	6.30	20.05	
35	260040	ĐỖ PHƯƠNG ÁNH	Nữ	07/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	6.50	4.95	18.95	
36	260042	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	20/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.75	4.75	18.00	
37	260041	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	13/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	7.40	23.15	
38	260043	BÙI THỊ HÀ ÁNH	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.75	5.55	20.80	
39	260044	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	17/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.25	6.40	21.90	
40	260045	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	16/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.50	7.30	20.30	
41	260046	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG ÁNH	Nữ	01/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.50	5.50	19.50	
42	260047	MAI HUY BÁCH	Nam	10/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.25	6.35	20.60	
43	260048	BÙI NGỌC BẢO	Nam	21/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	4.50	7.25	6.35	18.10	
44	260049	ĐINH GIA BẢO	Nam	01/02/2010	Tỉnh Đồng Nai				0.00	6.00	8.75	4.25	19.00	

(Handwritten signature)

CS - Được quét bằng CamScanner

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm U'TKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
45	260050	LÊ GIA BẢO	Nam	06/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.75	5.50	20.25	
46	260052	PHAM GIA BẢO	Nam	18/08/2010	Thành phố Hà Nội				0.00	6.00	7.50	4.75	18.25	
47	260053	TRẦN GIA BẢO	Nam	30/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.75	5.60	20.35	
48	260054	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	20/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	10.00	8.25	25.00	
49	260055	KHIẾU KIM BĂNG	Nam	13/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.00	8.25	5.75	19.00	
50	260056	TRẦN DUY BĂNG	Nam	14/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	7.00	23.00	
51	260059	NGÔ THANH BÌNH	Nam	28/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.75	5.00	20.00	
52	260060	PHẠM THANH BÌNH	Nam	14/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.50	8.05	24.30	
53	260061	NGUYỄN HUYỀN CHANG	Nữ	26/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.50	5.35	19.35	
54	260062	NGÔ THỊ MAI CHANG	Nữ	15/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.00	3.25	17.00	
55	260064	PHẠM THỊ BẢO CHÂM	Nữ	23/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	7.25	6.25	18.75	
56	260065	PHẠM THỊ NGỌC CHÂM	Nữ	06/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.00	7.25	6.45	18.70	
57	260066	NGÔ MINH CHÂU	Nam	16/12/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải nhì			0.00	6.50	8.75	7.85	23.10	
58	260067	ĐỖ NGỌC MINH CHÂU	Nam	06/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	7.45	22.70	
59	260068	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	21/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.75	5.85	19.10	
60	260069	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	26/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	3.25	18.50	
61	260070	NGÔ THỊ KIM CHI	Nữ	14/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.25	5.80	21.55	
62	260072	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	Nam	04/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.75	6.10	22.10	
63	260074	NGUYỄN THỊ KIM CHUNG	Nữ	19/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	6.25	21.25	
64	260075	NINH THỊ THU CÚC	Nữ	11/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	6.75	4.45	18.45	
65	260077	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Nam	08/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	8.55	23.05	
66	260078	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	08/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.75	6.30	20.80	
67	260080	MAI TIỀN CỬ	Nam	23/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	9.00	9.05	24.05	
68	260081	BÙI NGỌC DIỆP	Nữ	26/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	8.75	7.65	21.90	

(Signature)

(Signature)

CS Được quét bằng CamScanner

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm U'TKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
69	260082	ĐÀO NGỌC DIỆP	Nữ	05/12/2010	Tỉnh Hà Nam				0.00	8.00	7.75	6.55	22.30	
70	260083	PHAM NGỌC DIỆP	Nữ	25/10/2010	TP Hà Nội				0.00	5.75	7.00	5.50	18.25	
71	260085	VŨ THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	01/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	8.35	23.35	
72	260086	BÙI TIỀN DOANH	Nam	26/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	7.50	3.90	16.65	
73	260087	NGÔ THỦY DUNG	Nữ	01/06/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải nhì			0.00	7.25	8.25	9.15	24.65	
74	260088	TÔNG PHƯƠNG DUNG	Nữ	01/09/2010	Tỉnh Nam Định				1.50	6.50	8.25	7.70	23.95	
75	260089	ĐINH NGỌC DUY	Nam	22/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.75	4.25	16.75	
76	260090	NGÔ ĐỨC DUY	Nam	06/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	6.05	20.55	
77	260091	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	23/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	5.60	20.85	
78	260092	TRINH ĐỨC DUY	Nam	31/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	5.25	19.75	
79	260093	TRƯƠNG MINH DUYÊN	Nữ	17/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.50	5.40	19.40	
80	260094	HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	25/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	4.75	20.25	
81	260095	ĐINH THỊ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	31/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.25	5.90	20.15	
82	260097	NGUYỄN TUẤN DŨNG	Nam	21/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	7.60	22.60	
83	260098	TA MINH DŨNG	Nam	23/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.00	5.00	20.50	
84	260099	TRẦN TIỀN DŨNG	Nam	06/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.75	7.65	23.90	
85	260100	VŨ TIỀN DŨNG	Nam	21/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.75	9.15	23.15	
86	260102	ĐINH THỦY DƯƠNG	Nữ	13/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.50	6.00	22.00	
87	260103	KHIẾU HOÀNG DƯƠNG	Nam	15/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	8.70	23.70	
88	260104	LÊ MINH DƯƠNG	Nam	15/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	4.25	8.25	5.25	17.75	
89	260105	NGÔ ĐĂNG DƯƠNG	Nam	10/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	7.35	23.10	
90	260106	NGÔ THỦY DƯƠNG	Nữ	15/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.50	7.90	24.15	
91	260107	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	06/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	7.05	21.55	
92	260110	PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	12/04/2010	TP. Hồ Chí Minh				0.00	6.75	7.00	7.80	21.55	

Handwritten signature

Handwritten signature

CS Được quét bằng CamScanner

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm U'TKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
93	260112	NGÔ DUY ĐAN	Nam	25/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	5.25	20.50	
94	260113	ĐINH HỮU ĐẠI	Nam	09/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.50	7.00	21.75	
95	260114	ĐỖ LÂM ĐẠI	Nam	28/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	6.95	21.95	
96	260117	ĐINH NGỌC ĐẠT	Nam	16/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	8.00	6.10	19.35	
97	260118	ĐỖ TIỀN ĐẠT	Nam	04/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.50	7.25	21.75	
98	260119	ĐỖ XUÂN ĐẠT	Nam	20/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	6.30	21.30	
99	260120	TÔNG QUỐC ĐẠT	Nam	13/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.50	6.00	19.25	
100	260121	ĐINH HẢI ĐĂNG	Nam	21/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	4.00	17.00	
101	260122	TẠ SƠN ĐĂNG	Nam	23/01/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Khuyến khích			0.00	7.25	9.25	9.40	25.90	
102	260123	NGUYỄN TRÍ THÀNH ĐỊNH	Nam	12/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	9.25	4.75	20.00	
103	260124	ĐỒNG THỊ TÂM ĐOÀN	Nữ	03/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	6.65	22.40	
104	260125	ĐINH VĂN ĐOÀN	Nam	27/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.75	4.80	18.55	
105	260126	NGUYỄN XUÂN ĐỘ	Nam	09/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.25	7.30	23.05	
106	260129	PHẠM VĨNH GIA	Nam	10/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.75	7.30	22.05	
107	260131	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	18/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	4.50	19.75	
108	260133	ĐINH THỊ VĂN GIANG	Nữ	15/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	5.75	4.70	17.45	
109	260134	BÙI VIỆT HÀ	Nam	16/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	4.60	19.85	
110	260136	ĐINH THANH HÀ	Nữ	16/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.00	8.75	8.00	24.75	
111	260137	LƯƠNG THANH HÀ	Nữ	10/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	5.00	20.25	
112	260138	NGUYỄN ĐÌNH HÀ	Nam	30/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	4.75	17.75	
113	260139	NGUYỄN NGÂN HÀ	Nữ	19/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	5.50	4.95	17.95	
114	260140	NGÔ THỊ THANH HÀ	Nữ	26/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.25	5.80	20.55	
115	260141	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	04/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	6.55	21.55	
116	260142	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	26/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	4.25	19.25	

25

16

Được quét bằng CamScanner

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
117	260143	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	15/11/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 8: Giải ba Lớp 9:			0.00	8.25	8.75	9.65	26.65	
118	260144	TRƯƠNG THỊ ÁNH HẢI	Nữ	28/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.50	6.55	22.55	
119	260145	TRẦN THỊ HẢO	Nữ	14/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.50	6.80	22.80	
120	260146	NGUYỄN DIỆP HÂN	Nữ	09/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.75	6.80	23.05	
121	260147	TRẦN CHÍ HÂN	Nữ	03/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	8.95	24.70	
122	260149	TRINH ĐỨC HẬU	Nam	07/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	8.50	4.55	18.30	
123	260150	ĐỖ THU HẰNG	Nữ	01/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	6.00	7.55	20.80	
124	260151	MAI THU HẰNG	Nữ	05/02/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	8.25	8.75	7.05	24.05	
125	260152	ĐỖ THỊ MINH HẰNG	Nữ	12/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.00	9.25	5.80	23.05	
126	260153	VŨ THỊ MINH HẰNG	Nữ	19/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	7.25	22.25	
127	260154	NGUYỄN CÔNG HIỆU	Nam	14/06/2010	TP. Hồ Chí Minh				0.00	6.50	8.50	4.75	19.75	
128	260155	NGUYỄN TRUNG HIỆU	Nam	26/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.00	3.75	17.50	
129	260156	NINH KHẮC HIỆU	Nam	07/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	5.40	21.15	
130	260158	BÙI NGUYỄN TRUNG HIỆU	Nam	13/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	5.15	19.90	
131	260159	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	17/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.50	6.60	21.10	
132	260160	NGÔ THỊ NHƯ HIỀN	Nữ	04/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.00	3.90	18.90	
133	260161	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	Nữ	19/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	7.00	5.85	20.10	
134	260162	NGUYỄN MINH HIỆP	Nam	07/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.00	3.75	17.50	
135	260163	PHẠM THỊ QUỲNH HOA	Nữ	15/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.00	5.30	18.55	
136	260164	ĐINH THỊ THU HOÀI	Nữ	11/04/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 8: Khuyến khích			0.00	8.00	8.50	5.65	22.15	
137	260165	TRẦN THỊ THU HOÀI	Nữ	17/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	4.25	18.75	
138	260166	BÙI VĂN HOÀN	Nam	08/02/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	7.75	7.50	7.80	24.05	
139	260167	PHẠM HỮU HOÀN	Nam	19/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	9.00	6.75	21.50	
140	260168	ĐỖ ĐỨC HOÀNG	Nam	08/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.25	3.75	17.00	

Handwritten signature

Handwritten signature



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
141	260169	ĐỖ HUY HOÀNG	Nam	27/06/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	5.75	8.50	5.00	19.25	
142	260170	ĐỖ MINH HOÀNG	Nam	28/05/2010	TP. Hồ Chí Minh				0.00	7.25	8.25	5.35	20.85	
143	260171	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG	Nam	27/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	7.15	22.65	
144	260172	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	12/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.50	6.00	19.75	
145	260173	VŨ THANH HOÀNG	Nam	17/06/2010	TP. Hồ Chí Minh				0.00	6.00	7.25	3.50	16.75	
146	260174	VŨ VIỆT HOÀNG	Nam	15/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	5.70	20.70	
147	260175	NGUYỄN BẢO GIA HOÀNG	Nam	07/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh				0.00	7.25	6.75	4.25	18.25	
148	260176	HOÀNG PHI HỒNG	Nam	11/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.50	6.00	20.00	
149	260177	HOÀNG VĂN HỘI	Nam	12/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	7.65	22.90	
150	260178	TRẦN THỊ HUỆ	Nữ	11/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.75	4.25	18.25	
151	260179	BÙI GIA HUY	Nam	29/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	6.25	20.25	
152	260180	ĐINH QUANG HUY	Nam	01/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.50	5.15	19.65	
153	260181	LÊ GIA HUY	Nam	17/11/2010	TP. Hồ Chí Minh				0.00	6.00	7.75	3.00	16.75	
154	260182	LÊ QUỐC HUY	Nam	15/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	4.45	19.45	
155	260183	NGÔ GIA HUY	Nam	19/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.25	5.10	18.35	
156	260184	PHẠM QUANG HUY	Nam	08/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	7.25	4.80	17.30	
157	260185	TẠ HOÀNG HUY	Nam	30/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.00	5.50	19.25	
158	260186	TRẦN NGỌC HUY	Nam	05/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.50	4.95	18.45	
159	260187	TRẦN QUANG HUY	Nam	17/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	7.25	4.80	17.55	
160	260188	ĐINH HOÀNG QUANG HUY	Nam	15/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.00	4.50	20.00	
161	260189	LÊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.00	5.65	21.40	
162	260190	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	15/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	7.55	22.55	
163	260191	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	23/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	9.80	26.30	
164	260192	VŨ THANH HUYỀN	Nữ	13/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.25	6.40	19.40	

Handwritten signature and initials

CS Được quét bằng CamScanner

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
165	260195	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	Nam	20/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.25	4.75	18.50	
166	260196	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	08/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.75	5.50	19.75	
167	260198	NGUYỄN PHÚC HÙNG	Nam	14/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.25	7.65	24.15	
168	260199	PHẠM DUY HÙNG	Nam	18/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.75	9.00	24.00	
169	260201	ĐỖ THỊ HƯƠNG	Nữ	23/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.75	5.20	18.45	
170	260202	ĐỖ THU HƯƠNG	Nữ	21/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.50	6.80	20.05	
171	260203	ĐỖ XUÂN HƯƠNG	Nam	19/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.25	3.50	19.25	
172	260204	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	11/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.00	6.90	22.15	
173	260205	PHẠM THU HƯƠNG	Nữ	25/08/2010	Liên Bang Nga				0.00	7.00	6.00	5.15	18.15	
174	260206	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	24/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.00	9.00	9.00	26.00	
175	260207	TÓNG DUY KHANG	Nam	29/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	6.75	22.25	
176	260208	BÙI GIA KHÁNH	Nam	14/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	9.75	8.30	25.80	
177	260209	BÙI VIỆT KHÁNH	Nam	18/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	6.00	6.25	17.75	
178	260210	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	13/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.75	5.00	19.25	
179	260211	VŨ VĂN KHÁNH	Nam	12/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	9.25	6.80	21.80	
180	260212	TRỊNH VĂN KHÁI	Nam	19/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.25	4.75	18.75	
181	260213	NGÔ GIA KHIÊM	Nam	17/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.25	8.60	25.10	
182	260214	LÊ DUY KHOA	Nam	10/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.00	7.00	22.50	
183	260215	LÊ MINH KHOA	Nam	25/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.25	8.15	24.65	
184	260216	TRẦN ANH KHOA	Nam	20/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.25	5.50	17.50	
185	260217	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	07/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	7.75	6.10	21.60	
186	260219	NINH ĐỨC KIÊN	Nam	27/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.50	4.70	17.45	
187	260220	VŨ VĂN KIẾT	Nam	07/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	5.00	18.00	
188	260221	NINH VĂN ANH KIẾT	Nam	16/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.00	6.90	20.15	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm U'TKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
189	260223	ĐỖ THỊ THU LAN	Nữ	23/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.25	6.55	22.05	
190	260224	CHU VĂN LÂM	Nam	09/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.00	5.25	19.00	
191	260225	NGÔ VĂN LÂN	Nam	18/02/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	7.25	7.75	7.70	22.70	
192	260226	ĐINH THỊ PHƯƠNG LIÊN	Nữ	03/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.50	5.65	21.65	
193	260228	HOÀNG QUANG LINH	Nam	08/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.75	5.00	17.50	
194	260229	LÊ ĐIỀU LINH	Nữ	18/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	6.75	22.00	
195	260230	LÊ HOÀNG LINH	Nữ	21/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	3.75	18.75	
196	260231	NGÔ NHẬT LINH	Nữ	06/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.50	5.60	20.60	
197	260232	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	17/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.50	6.80	23.55	
198	260233	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	07/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.00	4.75	17.50	
199	260234	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	23/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.25	6.95	22.45	
200	260235	NGUYỄN VIỆT LINH	Nam	25/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.25	5.45	20.95	
201	260236	NINH PHƯƠNG LINH	Nữ	23/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	6.30	22.80	
202	260237	NINH YẾN LINH	Nữ	02/12/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	7.25	7.00	3.50	17.75	
203	260238	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	30/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.00	6.90	23.40	
204	260240	TRẦN HÀ LINH	Nữ	23/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.00	9.50	6.15	23.65	
205	260241	VŨ HOÀI LINH	Nữ	02/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.50	6.50	21.50	
206	260243	VŨ THỊ ĐIỀU LINH	Nữ	18/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	7.40	23.90	
207	260244	TRỊNH THỊ HÀ LINH	Nữ	26/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.25	5.55	18.30	
208	260246	LÊ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	13/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	4.50	18.50	
209	260247	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	07/04/2010	Tỉnh Lào Cai				0.00	6.25	5.50	5.00	16.75	
210	260249	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	31/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.00	5.65	21.40	
211	260251	VŨ NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	29/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	4.65	19.65	
212	260253	ĐINH THỊ THÚY LINH	Nữ	20/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	4.15	19.40	

Handwritten signature

Handwritten signature

CS

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
213	260254	LÊ THỊ THỦY LINH	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.00	4.80	18.05	
214	260255	NGÔ THỊ THỦY LINH	Nữ	24/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	6.25	4.25	17.50	
215	260256	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	Nữ	24/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.00	6.85	23.10	
216	260257	NGUYỄN HỒNG LOAN	Nữ	07/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.25	7.00	22.50	
217	260258	NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	Nữ	22/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	6.50	4.00	17.75	
218	260259	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	6.50	7.70	21.20	
219	260260	ĐỖ THÀNH LONG	Nam	12/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	9.25	7.20	22.45	
220	260261	NGUYỄN DUY LONG	Nam	29/11/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	6.25	6.75	4.75	18.75	
221	260262	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	26/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	5.95	21.70	
222	260263	VŨ HOÀNG LONG	Nam	27/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.50	4.75	19.75	
223	260264	NGUYỄN HẢI LỘC	Nam	04/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.25	5.95	20.20	
224	260265	VŨ TIẾN LỘC	Nam	15/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.25	8.00	22.50	
225	260266	NGÔ ĐỨC LUÂN	Nam	03/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	9.25	24.00	
226	260267	ĐỖ KHÁNH LY	Nữ	13/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	4.50	5.50	16.75	
227	260268	PHẠM THỊ LY	Nữ	20/06/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	6.75	8.50	7.05	23.30	
228	260269	TRẦN THỊ DIỄM LY	Nữ	06/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.75	4.50	19.75	
229	260270	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	03/03/2010	Tỉnh Đắk Lắk				0.00	7.00	9.50	7.40	23.90	
230	260272	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	27/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.25	8.85	24.60	
231	260273	TẠ THỊ KHÁNH LY	Nữ	07/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	6.75	6.30	20.30	
232	260275	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LY	Nữ	07/02/2010	TP. Hồ Chí Minh				0.00	8.50	8.75	9.05	26.30	
233	260276	ĐỖ THANH MAI	Nữ	13/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.00	4.60	18.60	
234	260277	NGÔ THỊ MAI	Nữ	26/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.75	5.00	21.00	
235	260278	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	Nữ	01/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.25	5.35	18.10	
236	260279	TRẦN THỊ HƯƠNG MAI	Nữ	13/08/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	7.75	9.00	7.65	24.40	

[Signature]

[Signature]

CS

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
237	260280	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	19/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.50	6.00	20.75	
238	260282	VŨ THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	26/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	5.50	20.00	
239	260283	VŨ THẢO MAY	Nữ	25/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.00	6.35	19.60	
240	260284	ĐINH ĐỨC MẠNH	Nam	09/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.50	6.65	21.15	
241	260285	ĐỖ TIỀN MẠNH	Nam	30/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.25	6.40	19.40	
242	260286	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	19/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.50	7.35	23.35	
243	260287	PHẠM QUANG MẠNH	Nam	21/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.00	4.55	20.80	
244	260288	ĐINH HUY ĐỨC MẠNH	Nam	13/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	7.55	22.55	
245	260289	VŨ HÀ MI	Nữ	25/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.00	6.55	20.55	
246	260290	ĐINH NHẬT MINH	Nam	01/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	8.30	22.80	
247	260291	LÊ THU MINH	Nữ	01/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.50	2.75	18.75	
248	260292	NINH PHƯỚC MINH	Nam	16/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	6.85	21.85	
249	260294	TÔNG TRẦN MINH	Nam	14/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.50	3.50	16.75	
250	260295	TRẦN BÌNH MINH	Nam	31/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.25	4.45	17.70	
251	260296	ĐINH ĐIỀU MY	Nữ	18/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.75	8.00	24.00	
252	260297	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	17/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.25	6.80	20.55	
253	260298	TRẦN TRÀ MY	Nữ	18/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.25	4.20	18.70	
254	260300	PHẠM THỊ THẢO MY	Nữ	05/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.75	6.55	23.55	
255	260302	NINH THỊ TRÀ MY	Nữ	05/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.25	4.60	17.10	
256	260304	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	11/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	9.00	5.90	21.15	
257	260305	PHẠM THÀNH NAM	Nam	19/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	8.75	4.70	18.70	
258	260306	TRẦN HOÀI NAM	Nam	25/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.50	4.90	21.40	
259	260307	TRẦN HOÀNG NAM	Nam	16/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	8.00	5.70	19.20	
260	260308	TRẦN THÀNH NAM	Nam	12/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	8.75	3.50	17.75	

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
261	260309	MAC TRẦN QUỲNH NGA	Nữ	18/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.75	6.30	19.80	
262	260310	ĐINH THỊ THÚY NGA	Nữ	28/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	5.50	18.50	
263	260311	ĐẶNG THỊ NGÂN	Nữ	11/07/2009	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.75	4.75	19.00	
264	260312	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	17/10/2010	Tỉnh Bình Dương				0.00	7.00	8.50	4.30	19.80	
265	260313	NGUYỄN THẢO NGÂN	Nữ	20/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.50	4.15	17.15	
266	260314	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	06/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.25	6.05	20.05	
267	260315	PHAN THỊ THU NGÂN	Nữ	11/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.00	4.05	17.05	
268	260316	CÀ TRUNG NGHĨA	Nam	26/02/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	5.75	8.75	8.20	23.70	
269	260317	NGÔ GIA NGHĨA	Nam	21/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	7.40	23.40	
270	260318	TRẦN BẢO NGHĨA	Nam	01/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.00	6.25	20.50	
271	260319	VŨ THỊ NGOAN	Nữ	02/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	4.75	6.50	6.10	17.35	
272	260320	VŨ THỊ THANH NGOAN	Nữ	16/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	8.40	23.40	
273	260321	LÊ BÍCH NGỌC	Nữ	26/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	6.50	6.90	19.90	
274	260323	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	26/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.50	7.30	20.05	
275	260322	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	09/01/2010	Tỉnh Bình Thuận				0.00	7.75	9.50	9.30	26.55	
276	260324	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	16/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.75	8.25	23.25	
277	260325	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	24/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.00	8.50	3.90	17.40	
278	260326	PHẠM THỊ NGỌC	Nữ	16/02/2009	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	6.25	21.75	
279	260328	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	01/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	9.25	5.90	21.90	
280	260327	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	08/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.00	6.75	20.25	
281	260333	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	05/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.25	7.45	22.45	
282	260334	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	24/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	9.00	25.50	
283	260335	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.00	9.50	8.80	26.30	
284	260336	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	26/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	7.50	6.30	21.05	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm U'TKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
285	260337	TA THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	22/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.50	5.25	19.00	
286	260339	VŨ THỊ THU NGỌC	Nữ	29/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.25	4.70	16.70	
287	260341	LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	01/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.50	6.95	20.70	
288	260343	NGUYỄN MINH NGUYỆT	Nữ	01/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	7.70	23.20	
289	260344	ĐINH THỊ NHÀI	Nữ	12/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.50	5.25	17.50	
290	260345	DƯƠNG GIA NHẬT	Nam	22/04/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	6.50	6.50	5.10	18.10	
291	260346	ĐỖ MINH NHẬT	Nam	16/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	4.75	20.00	
292	260348	LÊ PHƯƠNG NHI	Nữ	17/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.75	9.30	25.55	
293	260349	NGUYỄN THỊ YÊN NHI	Nữ	20/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	6.20	22.20	
294	260351	PHAN THỊ THẢO NHƯ	Nữ	11/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.00	4.50	18.75	
295	260352	HOÀNG THỊ NỤ	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	3.25	18.00	
296	260353	TRẦN BẢO PHONG	Nam	15/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.50	3.75	18.00	
297	260354	NGÔ VĂN PHỒ	Nam	02/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	8.50	6.35	20.35	
298	260355	VŨ TRẦN PHÚ	Nam	05/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.50	7.25	20.75	
299	260356	NGUYỄN SINH PHÚC	Nam	06/10/2010	Thành phố Đà Nẵng				0.00	6.00	5.75	6.30	18.05	
300	260357	VŨ ĐỨC PHÚC	Nam	14/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	3.25	18.00	
301	260358	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	28/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.75	7.15	23.65	
302	260359	NGUYỄN PHẠM BÍCH PHƯƠNG	Nữ	19/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	7.25	23.00	
303	260360	TÔNG THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.25	5.00	17.50	
304	260361	NGUYỄN THỊ KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	03/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	5.50	20.00	
305	260362	NGÔ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	01/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	5.15	19.65	
306	260363	ĐINH THỊ QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	04/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	8.40	24.40	
307	260364	HOÀNG THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	06/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.75	6.75	20.75	
308	260365	TRƯƠNG QUỐC PHƯỚC	Nam	10/08/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 8: Giải nhì Lớp			0.00	7.00	9.75	9.80	26.55	

25 10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSC lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
309	260366	PHAN THI ĐAN PHƯƠNG	Nữ	21/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	4.75	7.75	5.35	17.85	
310	260367	ĐINH MẠNH QUẢN	Nam	23/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	6.85	19.85	
311	260368	NGUYỄN ANH QUẢN	Nam	11/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	8.00	23.25	
312	260369	NGUYỄN MINH QUẢN	Nam	22/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	7.00	4.25	17.00	
313	260370	NGUYỄN ANH QUỐC	Nam	30/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.75	6.25	21.00	
314	260371	NGUYỄN MINH QUYỀN	Nam	01/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	8.25	4.85	18.60	
315	260373	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	6.50	4.65	16.65	
316	260374	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	26/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.25	6.25	20.50	
317	260375	TRẦN NGỌC QUÝ	Nam	09/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.00	4.50	18.75	
318	260376	NGUYỄN MINH SANG	Nam	09/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.25	5.30	19.55	
319	260377	BÙI VĂN SÁNG	Nam	04/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	4.25	18.25	
320	260378	NGUYỄN VĂN SÁNG	Nam	16/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.25	4.35	20.35	
321	260379	TRẦN ĐÔNG SƠN	Nam	16/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.00	3.75	16.75	
322	260380	TRƯƠNG ANH SƠN	Nam	24/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	5.70	21.20	
323	260381	VŨ HOÀNG SƠN	Nam	04/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	5.45	19.95	
324	260382	ĐỖ HOÀNG TAM	Nam	11/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	6.75	5.00	17.75	
325	260383	ĐINH ĐỨC TÀI	Nam	23/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	5.25	6.40	17.15	
326	260384	PHẠM TRỌNG TÀI	Nam	02/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.75	6.50	21.75	
327	260387	PHẠM HỒNG THÁI	Nam	10/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.00	4.80	20.05	
328	260389	ĐINH NHẬT THÀNH	Nam	05/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.75	8.00	22.25	
329	260390	MAI HÀ THÀNH	Nam	21/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	4.25	7.25	5.15	16.65	
330	260391	PHẠM VĂN THÀNH	Nam	06/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.50	5.40	20.15	
331	260392	VŨ VĂN THÀNH	Nam	12/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.00	5.00	21.50	
332	260393	ĐOÀN THANH THẢO	Nữ	28/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	6.50	5.00	18.50	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
333	260394	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	8.50	6.90	20.65	
334	260395	LÊ THU THẢO	Nữ	18/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.75	7.15	23.40	
335	260396	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.75	5.85	18.35	
336	260397	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	16/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	4.25	19.75	
337	260398	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	5.75	5.90	17.90	
338	260399	TRẦN THỊ THẢO	Nữ	01/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	7.75	5.80	18.80	
339	260400	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	8.30	22.80	
340	260402	HOÀNG VŨ THANH THẢO	Nữ	16/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	8.00	8.75	7.25	24.00	
341	260403	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	25/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.00	7.70	24.20	
342	260404	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	01/04/2010	Tỉnh Phú Thọ				0.00	6.50	7.75	4.25	18.50	
343	260405	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	17/10/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	7.25	8.50	4.00	19.75	
344	260406	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	Nam	26/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.50	6.75	21.00	
345	260407	VŨ QUANG THÊ	Nam	11/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	4.75	8.25	5.00	18.00	
346	260408	TRƯƠNG QUANG THIÊN	Nam	21/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	6.00	8.15	20.15	
347	260410	ĐỒNG THỊ THU	Nữ	02/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.00	5.95	19.95	
348	260411	NGÔ MINH THUẬN	Nam	31/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	8.75	3.50	18.00	
349	260413	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	Nữ	11/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.25	8.35	25.10	
350	260412	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	Nữ	11/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.25	6.85	22.35	
351	260414	ĐINH THỊ BÍCH THỦY	Nữ	30/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.00	5.00	20.75	
352	260415	DƯƠNG THỊ ANH THƯ	Nữ	10/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	6.75	5.85	20.10	
353	260416	NGÔ LÊ ANH THƯ	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	6.75	4.85	18.60	
354	260417	QUÁCH THỊ KIM THƯ	Nữ	20/07/2010	Tỉnh Bình Dương				0.00	6.50	7.50	6.10	20.10	
355	260418	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	10/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	7.25	5.70	20.20	
356	260420	ĐINH HOÀI THƯƠNG	Nữ	03/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.75	7.15	21.90	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
357	260421	PHẠM NGÂN THƯƠNG	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	6.80	22.55	
358	260424	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO THY	Nữ	09/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	6.60	22.60	
359	260425	ĐẶNG THUY TIÊN	Nữ	16/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	9.25	7.80	23.55	
360	260426	ĐÀO MẠNH TIÊN	Nam	01/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.00	4.65	16.90	
361	260427	ĐỖ HẢI TIÊN	Nam	15/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.75	5.95	19.45	
362	260428	PHẠM QUANG TIÊN	Nam	26/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.25	4.75	18.50	
363	260429	VŨ NGỌC TIÊN	Nam	18/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	7.50	6.05	20.05	
364	260430	NGUYỄN MINH TIẾP	Nam	16/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	9.25	6.75	23.75	
365	260431	HOÀNG NHƯ TÌNH	Nữ	31/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	9.25	7.25	23.75	
366	260432	PHẠM SONG TOÀN	Nam	14/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	6.65	22.40	
367	260433	PHẠM TRUNG TÔN	Nam	25/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	9.00	6.55	21.30	
368	260434	BÙI THU TRANG	Nữ	20/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	6.00	20.50	
369	260435	LÊ THU TRANG	Nữ	19/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	7.75	4.25	18.25	
370	260436	NGUYỄN BẢO TRANG	Nữ	08/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	7.25	4.85	19.35	
371	260437	NGUYỄN MINH TRANG	Nữ	25/01/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 8: Giải ba Lớp 9			0.00	7.50	9.75	6.25	23.50	
372	260438	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	06/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.75	8.55	24.05	
373	260439	ĐINH THỊ BẢO TRANG	Nữ	23/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	7.45	23.20	
374	260440	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	21/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.00	5.20	17.45	
375	260441	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRANG	Nữ	04/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	8.20	23.95	
376	260442	NGUYỄN NGỌC QUYÊN TRÂM	Nữ	12/12/2010	Tỉnh Tiền Giang				0.00	5.50	7.25	6.45	19.20	
377	260443	NGÔ THỊ THUY TRÂM	Nữ	21/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.75	8.50	6.80	23.05	
378	260444	VŨ THỊ THUY TRÂM	Nữ	31/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.50	8.20	23.95	
379	260445	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	22/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.75	5.00	20.25	
380	260447	ĐỖ MINH TRÍ	Nam	12/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.75	9.20	25.95	

Được quét bằng CamScanner

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán lớp 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
381	260448	NGUYỄN VĂN TRÌNH	Nam	03/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	8.00	7.90	21.40	
382	260450	PHẠM ĐỨC TRỌNG	Nam	29/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	9.00	7.05	23.05	
383	260453	PHẠM THỊ THANH TRÚC	Nữ	23/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.25	3.50	17.75	
384	260454	VŨ THỊ THANH TRÚC	Nữ	11/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	8.50	5.60	20.35	
385	260455	BÙI QUANG TRƯỜNG	Nam	18/03/2010	Tỉnh Bình Dương				0.00	6.00	6.50	6.00	18.50	
386	260456	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Nam	22/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	8.50	6.70	21.20	
387	260457	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	23/09/2010	TP Hà Nội				0.00	6.75	8.75	7.70	23.20	
388	260458	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	Nam	14/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.50	8.15	23.65	
389	260459	PHẠM ANH TUẤN	Nam	17/06/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.75	6.75	5.90	18.40	
390	260460	VŨ NGỌC TUẤN	Nam	13/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	5.70	20.20	
391	260462	NINH KHẮC TỬ	Nam	02/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	7.00	5.80	18.30	
392	260463	TẠ QUANG TỬ	Nam	22/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	6.75	3.75	17.25	
393	260464	ĐINH MẠNH TÙNG	Nam	18/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	5.05	20.80	
394	260465	PHẠM QUANG TÙNG	Nam	21/05/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	8.50	6.35	21.60	
395	260466	PHẠM THẾ TÙNG	Nam	10/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.50	6.95	21.20	
396	260467	ĐINH VŨ SƠN TÙNG	Nam	10/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.50	7.75	5.65	18.90	
397	260468	NGUYỄN VŨ TƯỜNG	Nam	29/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	8.00	6.35	21.85	
398	260469	NGUYỄN TÔ UYÊN	Nữ	08/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.00	3.00	18.25	
399	260470	KHIÊU ANH ƯỚC	Nam	11/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.25	6.75	7.20	20.20	
400	260471	VŨ THỊ VÂN	Nữ	28/11/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	7.00	4.60	19.10	
401	260472	ĐỒNG THỊ HẢI VÂN	Nữ	28/12/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.50	9.25	7.05	23.80	
402	260473	BÙI THỊ HỒNG VÂN	Nữ	21/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.25	5.10	19.10	
403	260474	TRẦN LÊ VI	Nữ	14/03/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.00	4.50	18.50	
404	260477	NGÔ QUANG VINH	Nam	11/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.25	6.20	20.20	

(Handwritten signature and stamp)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Giải HSG lớp 8, 9	Điểm TBM tính bằng điểm số cả năm lớp 9	Tổng ĐTB Ngữ văn và Toán 9	Điểm UTKK	Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
										Văn	Toán	NN		
405	260478	DƯƠNG DUY VŨ	Nam	29/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.25	7.10	22.35	
406	260479	LÊ TƯỜNG VY	Nữ	11/01/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.00	7.50	4.25	17.75	
407	260480	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	25/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	5.00	19.75	
408	260481	PHẠM PHƯƠNG VY	Nữ	16/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.25	7.75	22.50	
409	260482	VŨ HÀ VY	Nữ	08/10/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	7.50	8.05	22.55	
410	260483	VŨ THẢO VY	Nữ	17/09/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.25	8.75	5.80	21.80	
411	260484	ĐỖ THỊ BẢO VY	Nữ	10/04/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.75	7.75	4.25	18.75	
412	260485	ĐINH CHÍ THÀNH VỸ	Nam	24/07/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	5.25	8.75	7.45	21.45	
413	260486	PHẠM THỊ THIÊN XUÂN	Nữ	08/09/2010	Tỉnh Nghệ An				0.00	7.25	7.00	6.05	20.30	
414	260487	NGUYỄN HẢI YÊN	Nữ	04/12/2010	Tỉnh Nam Định	Lớp 9: Giải ba			0.00	7.50	9.25	8.55	25.30	
415	260488	NGUYỄN KIM YÊN	Nữ	27/07/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	6.75	8.50	5.60	20.85	
416	260490	TRẦN NGỌC YÊN	Nữ	27/02/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	7.00	8.75	6.85	22.60	
417	260491	NGUYỄN NGỌC BẢO YÊN	Nữ	12/09/2010	Tỉnh Ninh Bình				0.00	7.25	8.00	7.25	22.50	
418	260493	VŨ THỊ HẢI YÊN	Nữ	19/08/2010	Tỉnh Nam Định				0.00	6.50	8.00	3.50	18.00	
419	260494	BÙI THỊ NHƯ Ý	Nữ	10/01/2010	Tỉnh Nam Định				1.00	6.50	6.50	3.75	17.75	

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐỀ NGHỊ

419 học sinh (Bảng chữ bốn trăm một mươi sáu) trong danh sách này đủ điều kiện xét trúng tuyển, có điểm xét tuyển từ 16,65 và các tiêu chuẩn khác: không có 'tạm liệt' trúng tuyển vào hệ Công lập trường THPT THPT Phạm Văn Nghị
Danh sách này gồm 18 trang

419 học sinh (Bảng chữ bốn trăm một mươi sáu) trong danh sách này đủ điều kiện có điểm xét tuyển từ 16,65 và các tiêu chí khác: không có 'tạm liệt' trúng tuyển vào hệ Công lập trường THPT THPT Phạm Văn Nghị
Danh sách này gồm 18 trang

Nam Định, ngày tháng năm
THƯ KÝ (Ký tên)
Bùi Quang Sáng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH (Ký tên, đóng dấu)
Nguyễn Hà Trung
TRƯỞNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHẠM VĂN NGHỊ
NGUYỄN HÀ TRUNG

CHUYÊN VIÊN DUYỆT
Nguyễn Văn Nhường

PHÒNG GD TRUNG HỌC
Ngô Hà Vũ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG GDPT
NGÔ HÀ VŨ

Nam Định, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC (Ký tên, đóng dấu)
Bùi Văn Khiết
CỘNG HÒA X. H. Q. VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NAM ĐỊNH
PHÓ GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN KHIẾT